

Số: 236/QĐ-BVM

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của Bệnh viện Mắt Hà Tĩnh

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN MẮT HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 1309/TB-SYT ngày 26/04/2025 về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 của Sở Y tế Hà Tĩnh;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng Bệnh viện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Bệnh viện Mắt Hà Tĩnh (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng, các khoa, phòng và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. *le*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BGĐ; Các khoa phòng; Trang Web BVM;
- Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCHC;



Lê Công Đức

Tên cơ quan cấp trên: Sở Y tế Hà Tĩnh
Đơn vị báo cáo: Bệnh viện Mắt Hà Tĩnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Năm 2024

STT	Nội dung	Số tiền
A	B	1
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp	
1	Doanh thu (01=02+03+04)	1.795.997.080
	a. Từ NSNN cấp	1.795.997.080
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	
2	Chi phí (05=06+07+08)	1.795.997.080
	a. Chi phí hoạt động	1.795.997.080
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
	c. Chi phí hoạt động thu phí	
3	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	
1	Doanh thu	31.555.093.684
2	Chi phí	23.892.460.176
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	7.662.633.508
III	Hoạt động tài chính	
1	Doanh thu	43.607.946
2	Chi phí	500.477
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	43.107.469
IV	Hoạt động khác	
1	Thu nhập khác	
2	Chi phí khác	
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	
V	Chi phí thuế TNDN	
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	7.705.740.977
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	
2	Phân phối cho các quỹ	6.983.107.469
3	Kinh phí cải cách tiền lương	1.000.000.000

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI LẬP BẢNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Lê Văn Vĩnh



Lê Công Đức

Đơn vị: Bệnh viện Mắt Hà Tĩnh
Mã chương: 423

BÁO CÁO CHI TIẾT CHI TỪ NGUỒN NSNN
Năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
				I. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	100.354.600	100.354.600				
		6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	25.000.000	25.000.000				
			6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	25.000.000	25.000.000				
		6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	63.372.000	63.372.000				
			6907	Nhà cửa	63.372.000	63.372.000				
		7750		Chi khác	11.982.600	11.982.600				
			7799	Chi các khoản khác	11.982.600	11.982.600				
				Tổng cộng	100.354.600	100.354.600				

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI LẬP BẢNG

Lê Văn Vĩnh

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Công Đức

Mã chương: 423
Đơn vị báo cáo: Bệnh viện Mắt Hà Tĩnh
Mã ĐVQHNS: 1069902

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG
Năm 2024

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI : TỔNG HỢP	
				TỔNG SỐ	KHOẢN: TỔNG HỢP
A	B	C	1	2	3
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC				
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	1	63.372.000	63.372.000	63.372.000
11	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	2			
	- Kinh phí đã nhận	3			
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	4			
12	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	5	63.372.000	63.372.000	63.372.000
	- Kinh phí đã nhận	6			
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	7	63.372.000	63.372.000	63.372.000
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	8	6.193.000.000	6.193.000.000	6.193.000.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	9			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	10	6.193.000.000	6.193.000.000	6.193.000.000
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+ 13)	11	6.256.372.000	6.256.372.000	6.256.372.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	12			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	13	6.256.372.000	6.256.372.000	6.256.372.000
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	14	100.354.600	100.354.600	100.354.600
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	15			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	16	100.354.600	100.354.600	100.354.600
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	17	100.354.600	100.354.600	100.354.600
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	18			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	19	100.354.600	100.354.600	100.354.600
6	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	20	60.017.400	60.017.400	60.017.400

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI : TỔNG HỢP	
				TỔNG SỐ	KHOẢN: TỔNG HỢP
A	B	C	1	2	3
61	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21=22+23+24)	21			
	- Đã nộp NSNN	22			
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)	23			
	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)	24			
62	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	25	60.017.400	60.017.400	60.017.400
	- Đã nộp NSNN	26			
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)	27			
	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)	28	60.017.400	60.017.400	60.017.400
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	29	6.096.000.000	6.096.000.000	6.096.000.000
71	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	30			
	- Kinh phí đã nhận	31			
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	32			
72	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	33	6.096.000.000	6.096.000.000	6.096.000.000
	- Kinh phí đã nhận	34			
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	35	6.096.000.000	6.096.000.000	6.096.000.000

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI LẬP BẢNG



Lê Văn Vĩnh

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Công Đức